

BIỂU PHÍ TÀI TRỢ THƯƠNG MẠI DÀNH CHO ĐỐI TƯỢNG LÀ BÊN THỨ BA TRONG GIAO DỊCH

Hiệu lực từ ngày 26/04/2025

STT	DỊCH VỤ	
1	Thông báo kết quả cho Ngân hàng nhờ thu đối với nhờ thu kèm chứng từ thương mại	600.000VND/30USD/ 30EUR/ 2400JPY/ 30AUD/ 21GBP/ 36SGD/ 210CNY + điện phí
2	Phí hủy Nhờ thu đến do KH yêu cầu	600.000VND/30USD/ 30EUR/ 2400JPY/ 30AUD/ 21GBP/ 36SGD/ 210CNY + điện phí
3	Phí tu chỉnh tăng tiền/gia hạn L/C	Với LC phát hành trước 01/07/2024: 500.000VND/25USD/ 25EUR/ 2000JPY/ 25AUD/ 17.5GBP/ 30SGD/ 175CNY Với LC phát hành từ 01/07/2024: + Đối với phần không ký quỹ: 1%/năm trị giá LC không ký quỹ. + Đối với phần ký quỹ: 0,075% trị giá ký quỹ. + Tối thiểu: 1.000.000VND/50USD
4	Phí thực hiện hoàn trả theo L/C	800.000VND/40USD/ 40EUR/ 3200JPY/ 40AUD/ 28GBP/ 48SGD/ 280CNY + điện phí
5	Phí sai sót bộ chứng từ L/C	1.200.000VND/60USD/ 60EUR/ 4800JPY/ 60AUD/ 42GBP/ 72SGD/ 420CNY
6	Xử lý bộ chứng từ theo L/C (trả ngay, trả chậm)	0,2% trị giá đòi tiền; Tối thiểu: 500.000VND/25USD
7	Xử lý bộ chứng từ gửi lại theo L/C	500.000VND/25USD/ 25EUR/ 2000JPY/ 25AUD/ 17.5GBP/ 30SGD/ 175CNY
8	Phí gửi thiếu BCT copy của L/C	200.000VND/10USD/10EUR/ 800JPY/ 10AUD/ 7GBP/ 12SGD/ 70CNY
9	Chấp nhận thanh toán BCT trả chậm (Usance LC)	1,8%/năm x (trị giá đòi tiền - trị giá ký quỹ tương ứng); Tối thiểu: 1.000.000VND/50USD
10	Phí sửa đổi khác của L/C*	500.000VND/25USD/ 25EUR/ 2000JPY/ 25AUD/ 17.5GBP/ 30SGD/ 175CNY
11	Phí hủy L/C theo yêu cầu của khách hàng	400.000VND/20USD/20EUR/ 1600JPY/ 20AUD/ 14GBP/ 24SGD/ 140CNY + điện phí
12	LC trả chậm	Theo thỏa thuận
13	Điện phí	1.000.000VND/50USD/ 50EUR/ 4000JPY/ 50AUD/ 35GBP/ 60SGD/ 350CNY
14	Chuyển tiếp điện	500.000VND/25USD/ 25EUR/ 2000JPY/ 25AUD/ 17.5GBP/ 30SGD/ 175CNY + điện phí hoặc phí chuyển phát chứng từ
15	Chuyển phát chứng từ gửi đi trong nước	200.000VND/10USD/10EUR/ 800JPY/ 10AUD/ 7GBP/ 12SGD/ 70CNY
16	Chuyển phát chứng từ gửi đi nước ngoài	800.000VND/40USD/ 40EUR/ 3200JPY/ 40AUD/ 28GBP/ 48SGD/ 280CNY

Lưu ý:

- Các giao dịch được phép sử dụng ngoại tệ tuân thủ theo quy định quản lý ngoại hối hiện hành của Nhà nước và áp dụng mức phí bằng USD. Phí này có thể được thu bằng VND theo tỷ giá bán ra của Techcombank công bố từng thời kỳ hoặc theo tỷ giá thỏa thuận.
- (*) Phí sửa đổi khác của LC không bao gồm phí Tăng tiền/Gia hạn LC
- Đối với các phí không được niêm yết tại biểu phí này, áp dụng biểu phí tại Phụ lục 01a và Phụ lục 01b, với các loại ngoại tệ khác USD: sử dụng tỷ giá quy đổi theo tỷ giá của Techcombank công bố từng thời kỳ, với mức min quy đổi theo mức tương đương được liệt kê ở trên.